

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4568**/BTC-CST
V/v dự thảo nội dung quy định
chi tiết khoản 12 điều 39
Luật Quản lý thuế

Hà Nội, ngày **13** tháng **4** năm **2026**

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, Bộ Tài chính đã xây dựng nội dung quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 (Tài liệu gửi kèm).

Đề nghị quý cơ quan có ý kiến tham gia đối với nội dung nêu trên và gửi về Bộ Tài chính trước ngày **18**././**4**./2026 để tổng hợp, hoàn thiện (file word xin gửi về địa chỉ email: nguyenthivietlinh@mof.gov.vn; điện thoại: 0966.626.128).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (**6** b).



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cao Anh Tuấn

**Dự thảo nội dung quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật Quản lý thuế
(quy định tại Nghị định quy định chi tiết Luật Quản lý thuế)**

Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, Bộ Tài chính đã có công văn số 2878/BTC-CT ngày 11/3/2026 lấy ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Quản lý thuế.

Thực hiện quy định tại khoản 12 điều 39 Luật Quản lý thuế, Bộ Tài chính tiếp tục bổ sung nội dung hướng dẫn khoản này, dự kiến bổ sung vào điều 59 dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Quản lý thuế như sau:

Điều 59. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí, lệ phí đối với cơ quan quản lý thuế và tổ chức thu phí, lệ phí

1. Kế hoạch kiểm tra, giám sát

a) Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm trình cấp có thẩm quyền ban hành, làm căn cứ để tổ chức triển khai, thực hiện.

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc tổ chức triển khai, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí được thực hiện theo quyết định kiểm tra, giám sát định kỳ hằng năm theo kế hoạch kiểm tra, giám sát hoặc theo quyết định kiểm tra đột xuất.

Việc xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước, kết quả theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và các thông tin có liên quan.

c) Kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm không trùng lặp với kế hoạch thanh tra của cơ quan thanh tra có liên quan.

Trong cùng một năm, đối với cùng nội dung và cùng đối tượng kiểm tra, giám sát, trường hợp nội dung đó đã được cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định của Nghị định này hoặc đã được đưa vào kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành thì các cơ quan khác không thực hiện kiểm tra, giám sát trùng lặp. Trường hợp vì yêu cầu quản lý nhà nước mà cần thiết phải thực hiện kiểm tra, giám sát trong cùng một năm, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp, lồng ghép nội dung kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện trong cùng một đoàn kiểm tra, giám sát.

2. Thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí thuộc phạm vi quản lý nhà nước.

b) Người đứng đầu đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí đối với cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi được phân cấp, ủy quyền.

3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, thực hiện các yêu cầu, đề nghị, quyết định xử lý của Đoàn kiểm tra, giám sát và người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí đối với cơ quan quản lý thuế

a) Quyết định kiểm tra, giám sát

Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát ban hành quyết định kiểm tra, giám sát, sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định kiểm tra, giám sát. Quyết định kiểm tra, giám sát phải được gửi cho đối tượng kiểm tra, giám sát trước ngày tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát ít nhất 07 ngày. Nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế quyết định kiểm tra, giám sát phải được gửi đến đối tượng kiểm tra, giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Quyết định kiểm tra, giám sát được công bố với đối tượng kiểm tra, giám sát khi tiến hành kiểm tra, giám sát. Trường hợp kiểm tra đột xuất, quyết định kiểm tra phải được gửi cho đối tượng kiểm tra ngay sau khi quyết định được ban hành hoặc phải giao trực tiếp cho đối tượng kiểm tra ngay khi tiến hành hoạt động kiểm tra.

Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra, giám sát: Theo kế hoạch kiểm tra, giám sát; khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc sự cố, sự kiện, dấu hiệu bất thường theo quy định của pháp luật; theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

Nội dung quyết định kiểm tra, giám sát: căn cứ ban hành quyết định kiểm tra, giám sát; phạm vi, nội dung kiểm tra, giám sát; đối tượng kiểm tra, giám sát; thời hạn, địa điểm kiểm tra, giám sát; thành phần Đoàn kiểm tra, giám sát.

b) Tiến hành kiểm tra, giám sát

Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát công bố quyết định kiểm tra, giám sát với đối tượng kiểm tra, giám sát và thông báo chương trình làm việc.

Đoàn kiểm tra, giám sát lập biên bản kiểm tra, giám sát, nêu rõ thành phần Đoàn kiểm tra, giám sát, đối tượng kiểm tra, giám sát, tổ chức, cá nhân có liên quan, nội dung kiểm tra, giám sát, kết quả xác minh, ý kiến của đối tượng kiểm tra, giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Biên bản kiểm tra, giám sát có chữ ký của Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát, đối tượng kiểm tra, giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Trường hợp đối tượng kiểm tra, giám sát không ký vào biên bản kiểm tra, giám sát thì biên bản phải có chữ ký của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc đối tượng kiểm tra, giám sát không ký vào biên bản.

Trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của người ra quyết định kiểm tra, giám sát, Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, báo cáo người ra quyết định kiểm tra, giám sát.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc hoạt động kiểm tra, giám sát, đoàn kiểm tra, giám sát dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát và gửi cho đối tượng kiểm tra, giám sát để lấy ý kiến đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát, đối tượng kiểm tra, giám sát gửi lại đoàn kiểm tra, giám sát ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của đối tượng kiểm tra, giám sát đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát hoặc 03 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này mà không nhận được ý kiến bằng văn bản của đối tượng kiểm tra, giám sát đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát thì Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát trình người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát ban hành kết luận kiểm tra, giám sát. Kết luận kiểm tra, giám sát phải căn cứ vào Biên bản kiểm tra, giám sát, văn bản giải trình của đối tượng kiểm tra, giám sát (nếu có) và các tài liệu liên quan. Kết luận kiểm tra, giám sát bao gồm nội dung yêu cầu đối tượng kiểm tra, giám sát chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế được phát hiện qua kiểm tra, giám sát (nếu có).

Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát ký ban hành kết luận kiểm tra, giám sát trong trường hợp được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát ủy quyền.

Kết luận kiểm tra, giám sát được gửi cho đối tượng kiểm tra, giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ngay sau khi được ban hành để thực hiện các nội dung nêu trong kết luận kiểm tra, giám sát và công khai theo quy định của pháp luật.

Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền khi kết thúc kiểm tra, giám sát; tổng kết, báo cáo cấp có thẩm quyền về hoạt động kiểm tra, giám sát chậm nhất ngày 15 tháng 12 hằng năm.

c) Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát

Trường hợp qua kiểm tra, giám sát phát hiện hạn chế, bất cập trong việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí thì Trường Đoàn kiểm tra, giám sát báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát để xem xét, quyết định các biện pháp xử lý sau đây: kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí; ban hành văn bản yêu cầu đối tượng kiểm tra, giám sát chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế được phát hiện qua kiểm tra, giám sát.

Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật vượt thẩm quyền xử lý theo Nghị định này thì chuyển hồ sơ, thông tin cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện các văn bản của Đoàn kiểm tra, giám sát

Người đứng đầu cơ quan tiến hành kiểm tra, giám sát có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc theo dõi, đôn đốc thực hiện các văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra, giám sát (nếu có).

5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về phí và lệ phí đối với tổ chức thu phí, lệ phí

a) Nội dung kiểm tra, giám sát

Việc triển khai, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện pháp luật về phí và lệ phí;

Việc tiếp nhận, tổng hợp và xử lý các vướng mắc, kiến nghị trong quá trình thực hiện pháp luật về phí và lệ phí;

Việc tổ chức quán triệt, hướng dẫn áp dụng chính sách pháp luật về phí và lệ phí trong tổ chức thu phí, lệ phí;

Việc thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về: tổ chức thu phí, lệ phí; mức phí, lệ phí; miễn, giảm phí, lệ phí; nộp phí, lệ phí tại tổ chức thu phí, lệ phí; quản lý, sử dụng phí; công khai chế độ thu phí, lệ phí; lập chứng từ thu phí, lệ phí; tự đặt ra và thu các khoản phí, lệ phí trái quy định pháp luật (nếu có).

b) Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát

Việc xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

Trường hợp qua kiểm tra, giám sát phát hiện hạn chế, bất cập trong việc thực hiện pháp luật về phí và lệ phí, trường đoàn kiểm tra, giám sát báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát để xem xét, quyết định kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về phí và lệ phí.

6. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí theo quy định tại Nghị định này./.

THUYẾT MINH NỘI DUNG QUY ĐỊNH CHI TIẾT KHOẢN 12 ĐIỀU 39 LUẬT QUẢN LÝ THUẾ

Quy định pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
1. Luật Quản lý thuế năm 2025 quy định: “Điều 39. Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan nhà nước, các cơ quan kiểm tra, giám sát, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong quản lý thuế 12. <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí, lệ phí:</i> a) <i>Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí, lệ phí đối với cơ quan quản lý thuế các cấp và tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật kiểm tra chuyên ngành;</i> b) <i>Tổ chức kiểm tra, giám sát theo kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất, tổng thể hoặc chuyên đề tại trụ sở cơ quan</i>	Điều 59. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí, lệ phí đối với cơ quan quản lý thuế và tổ chức thu phí, lệ phí 1. Kế hoạch kiểm tra, giám sát a) Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm trình cấp có thẩm quyền ban hành, làm căn cứ để tổ chức triển khai, thực hiện. b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc tổ chức triển khai, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí được thực hiện theo quyết định kiểm tra, giám sát định kỳ hằng năm theo kế hoạch kiểm tra, giám sát hoặc theo quyết định kiểm tra đột xuất. Việc xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước, kết quả theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và các thông tin có liên quan. c) Kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm không trùng lặp với kế hoạch thanh tra của cơ quan thanh tra có liên quan. Trong cùng một năm, đối với cùng nội dung và cùng đối tượng kiểm tra, giám sát, trường hợp nội dung đó đã được cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định của Nghị định này hoặc đã được đưa vào kế hoạch kiểm tra, giám	Tại điểm b khoản 12 và khoản 15 điều 39 Luật QLT quy định: Tổ chức kiểm tra, giám sát theo kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này. Theo đó, tại điều 59 dự thảo Nghị định quy định kế hoạch kiểm tra, giám sát theo hướng: - Cơ quan có thẩm quyền phải xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm và trình phê duyệt để thực hiện. - Việc lập kế hoạch dựa trên yêu cầu quản lý, kết quả theo dõi thực hiện pháp luật về thuế, phí, lệ phí và các phản ánh, kiến nghị liên quan. - Kế hoạch không được trùng lặp với kế hoạch thanh tra; tránh kiểm tra trùng nội dung, đối tượng. Trường hợp cần thiết, các cơ quan phối hợp, lồng ghép kiểm tra trong cùng một đoàn.

Quy định pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
<i>kiểm tra hoặc tại đơn vị được kiểm tra, giám sát;</i> <i>c) Ban hành quyết định kiểm tra bằng văn bản, lập biên bản kiểm tra và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật kiểm tra chuyên ngành;</i> <i>d) Yêu cầu đơn vị được kiểm tra, giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan giải trình cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin được cung cấp.</i> <i>... 15. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và nội dung, hình thức, phạm vi, thời hạn cung cấp thông tin, trách nhiệm, quyền hạn của các bên liên quan trong việc chia sẻ, kết nối thông tin phục vụ quản lý thuế”.</i>	sát hằng năm đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành thì các cơ quan khác không thực hiện kiểm tra, giám sát trùng lặp. Trường hợp vì yêu cầu quản lý nhà nước mà cần thiết phải thực hiện kiểm tra, giám sát trong cùng một năm, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp, lồng ghép nội dung kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện trong cùng một đoàn kiểm tra, giám sát. 2. Thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí thuộc phạm vi quản lý nhà nước. b) Người đứng đầu đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí đối với cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi được phân cấp, ủy quyền. 3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan a) Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, thực hiện các yêu cầu, đề nghị, quyết định xử lý của Đoàn kiểm tra, giám sát và người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. 4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí đối với cơ quan quản lý thuế	Tại điểm a khoản 12 Luật QLT quy định: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí, lệ phí đối với cơ quan quản lý thuế các cấp và tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật kiểm tra chuyên ngành. Để làm rõ thẩm quyền của cơ quan nhà nước thực hiện kiểm tra, giám sát, trên cơ sở pháp luật về kiểm tra chuyên ngành (điều 2 và điểm b khoản 2 điều 18 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP), Bộ Tài chính quy định thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí bao gồm: (i) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi quản lý nhà nước. (ii) Người đứng đầu đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi được phân cấp, ủy quyền. Đồng thời, quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để đảm bảo điều kiện thực hiện cho hoạt động kiểm tra, giám sát. Căn cứ điểm b, c, d khoản 12 điều 39 Luật QLT, Bộ Tài chính quy định quy trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện

Quy định pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	a) Quyết định kiểm tra, giám sát Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát ban hành quyết định kiểm tra, giám sát, sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định kiểm tra, giám sát. Quyết định kiểm tra, giám sát phải được gửi cho đối tượng kiểm tra, giám sát trước ngày tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát ít nhất 07 ngày. Nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế quyết định kiểm tra, giám sát phải được gửi đến đối tượng kiểm tra, giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Quyết định kiểm tra, giám sát được công bố với đối tượng kiểm tra, giám sát khi tiến hành kiểm tra, giám sát. Trường hợp kiểm tra đột xuất, quyết định kiểm tra phải được gửi cho đối tượng kiểm tra ngay sau khi quyết định được ban hành hoặc phải giao trực tiếp cho đối tượng kiểm tra ngay khi tiến hành hoạt động kiểm tra. Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra, giám sát: Theo kế hoạch kiểm tra, giám sát; khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc sự cố, sự kiện, dấu hiệu bất thường theo quy định của pháp luật; theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền. Nội dung quyết định kiểm tra, giám sát: căn cứ ban hành quyết định kiểm tra, giám sát; phạm vi, nội dung kiểm tra, giám sát; đối tượng kiểm tra, giám sát; thời hạn, địa điểm kiểm tra, giám sát; thành phần Đoàn kiểm tra, giám sát. b) Tiến hành kiểm tra, giám sát Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát công bố quyết định kiểm tra, giám sát với đối tượng kiểm tra,	pháp luật về thuế, phí và lệ phí đối với cơ quan quản lý thuế bao gồm các nội dung: Thứ nhất, về quyết định kiểm tra, giám sát, kiểm tra, giám sát được thực hiện theo kế hoạch hoặc đột xuất; quyết định phải nêu rõ căn cứ, phạm vi, nội dung, đối tượng, thời hạn, địa điểm và thành phần đoàn, đồng thời gửi cho đối tượng trước khi thực hiện (trừ trường hợp đột xuất). Thứ hai, về việc tiến hành kiểm tra, giám sát: Đoàn kiểm tra công bố quyết định, tiến hành kiểm tra, lập biên bản, dự thảo kết luận và lấy ý kiến đối tượng trước khi ban hành kết luận. Thứ ba, về xử lý kết quả kiểm tra, giám sát: Kết luận dựa trên biên bản, giải trình và tài liệu liên quan; xác định rõ tồn tại, nguyên nhân và yêu cầu khắc phục. Trường hợp cần thiết thì yêu cầu chấn chỉnh, kiến nghị hoàn thiện pháp luật hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền; đồng thời theo dõi, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện.

Quy định pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	giám sát và thông báo chương trình làm việc. Đoàn kiểm tra, giám sát lập biên bản kiểm tra, giám sát, nêu rõ thành phần Đoàn kiểm tra, giám sát, đối tượng kiểm tra, giám sát, tổ chức, cá nhân có liên quan, nội dung kiểm tra, giám sát, kết quả xác minh, ý kiến của đối tượng kiểm tra, giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Biên bản kiểm tra, giám sát có chữ ký của Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát, đối tượng kiểm tra, giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Trường hợp đối tượng kiểm tra, giám sát không ký vào biên bản kiểm tra, giám sát thì biên bản phải có chữ ký của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc đối tượng kiểm tra, giám sát không ký vào biên bản. Trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của người ra quyết định kiểm tra, giám sát, Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, báo cáo người ra quyết định kiểm tra, giám sát. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc hoạt động kiểm tra, giám sát, đoàn kiểm tra, giám sát dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát và gửi cho đối tượng kiểm tra, giám sát để lấy ý kiến đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát, đối tượng kiểm tra, giám sát gửi lại đoàn kiểm tra, giám sát ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của đối tượng kiểm tra, giám sát đối với các nội dung trong dự thảo kết luận	

Quy định pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	kiểm tra, giám sát hoặc 03 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này mà không nhận được ý kiến bằng văn bản của đối tượng kiểm tra, giám sát đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát thì Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát trình người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát ban hành kết luận kiểm tra, giám sát. Kết luận kiểm tra, giám sát phải căn cứ vào Biên bản kiểm tra, giám sát, văn bản giải trình của đối tượng kiểm tra, giám sát (nếu có) và các tài liệu liên quan. Kết luận kiểm tra, giám sát bao gồm nội dung yêu cầu đối tượng kiểm tra, giám sát chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế được phát hiện qua kiểm tra, giám sát (nếu có). Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát ký ban hành kết luận kiểm tra, giám sát trong trường hợp được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát ủy quyền. Kết luận kiểm tra, giám sát được gửi cho đối tượng kiểm tra, giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ngay sau khi được ban hành để thực hiện các nội dung nêu trong kết luận kiểm tra, giám sát và công khai theo quy định của pháp luật. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền khi kết thúc kiểm tra, giám sát; tổng kết, báo cáo cấp có thẩm quyền về hoạt động kiểm tra, giám sát chậm nhất ngày 15 tháng 12 hằng năm. c) Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát Trường hợp qua kiểm tra, giám sát phát hiện hạn chế, bất cập trong việc thực hiện pháp luật về	

Quy định pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	thuế, phí và lệ phí thì Trường Đoàn kiểm tra, giám sát báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát để xem xét, quyết định các biện pháp xử lý sau đây: kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí; ban hành văn bản yêu cầu đối tượng kiểm tra, giám sát chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế được phát hiện qua kiểm tra, giám sát. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật vượt thẩm quyền xử lý theo Nghị định này thì chuyển hồ sơ, thông tin cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật. d) Tổ chức thực hiện các văn bản của Đoàn kiểm tra, giám sát Người đứng đầu cơ quan tiến hành kiểm tra, giám sát có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc theo dõi, đôn đốc thực hiện các văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra, giám sát (nếu có).	
	5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về phí và lệ phí đối với tổ chức thu phí, lệ phí a) Nội dung kiểm tra, giám sát Việc triển khai, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện pháp luật về phí và lệ phí; Việc tiếp nhận, tổng hợp và xử lý các vướng mắc, kiến nghị trong quá trình thực hiện pháp luật về phí và lệ phí; Việc tổ chức quán triệt, hướng dẫn áp dụng chính sách pháp luật về phí và lệ phí trong tổ chức thu phí, lệ phí; Việc thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về: tổ chức thu phí, lệ phí; mức phí, lệ	Căn cứ điểm b, c, d khoản 12 điều 39 Luật QLT, Bộ Tài chính quy định quy trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về phí và lệ phí đối với tổ chức thu phí, lệ phí: Thứ nhất, về nội dung kiểm tra, giám sát: Bao gồm việc triển khai, tuyên truyền và hướng dẫn thực hiện pháp luật về phí, lệ phí; việc tiếp nhận, xử lý vướng mắc, kiến nghị; việc tổ chức thu, miễn giảm, nộp, quản lý, sử dụng và công khai phí, lệ phí; cũng như việc chấp hành pháp luật, kể cả các trường hợp thu trái quy định (nếu có). Thứ hai, về xử lý sau kiểm tra, giám sát: Việc xử lý vi phạm thực hiện theo quy định về kiểm tra chuyên ngành; trường hợp phát hiện hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật, Trường đoàn báo cáo người đứng đầu cơ quan có

Quy định pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
	phí; miễn, giảm phí, lệ phí; nộp phí, lệ phí tại tổ chức thu phí, lệ phí; quản lý, sử dụng phí; công khai chế độ thu phí, lệ phí; lập chứng từ thu phí, lệ phí; tự đặt ra và thu các khoản phí, lệ phí trái quy định pháp luật (nếu có). b) Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát Việc xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP. Trường hợp qua kiểm tra, giám sát phát hiện hạn chế, bất cập trong việc thực hiện pháp luật về phí và lệ phí, trưởng đoàn kiểm tra, giám sát báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát để xem xét, quyết định kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về phí và lệ phí.	thẩm quyền để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về phí và lệ phí.
	6. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí theo quy định tại Nghị định này./.	Quy định này nhằm tạo cơ sở để Bộ Tài chính chủ động ban hành quy trình kiểm tra, giám sát thống nhất, phù hợp thực tiễn; qua đó nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm tính minh bạch và kịp thời điều chỉnh khi có thay đổi chính sách, tương tự như quy định tại điểm b khoản 2 điều 18 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

NỘI DUNG TRÌNH CHÍNH PHỦ VỀ QUY ĐỊNH CHI TIẾT KHOẢN 12 ĐIỀU 39 LUẬT QUẢN LÝ THUẾ

I. SỰ CẦN THIẾT QUY ĐỊNH CHI TIẾT KHOẢN 12 ĐIỀU 39 LUẬT QUẢN LÝ THUẾ

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Tại mục III.1 Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng, thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đề ra giải pháp: “Xác định xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật và kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, thường xuyên của các bộ, ngành Trung ương”.

- Tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, đã đưa ra mục tiêu: Chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết.

- Tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã đưa ra nhiệm vụ và giải pháp: Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý VBQPPL trái pháp luật; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu, kiên quyết chống tiêu cực, “lợi ích nhóm” trong công tác xây dựng pháp luật.

- Tại Mục 2.3 Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, có nêu: “Sau khi sắp xếp, các cơ quan không còn tổ chức thanh tra thì thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước. Người đứng đầu có trách nhiệm giao đơn vị trực thuộc tham mưu thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật”.

- Tại khoản 12 15 điều 39 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 (sau đây viết là Luật QLT) quy định:

“12. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí, lệ phí:

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí, lệ phí đối với cơ quan quản lý thuế các cấp và tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật kiểm tra chuyên ngành;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát theo kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất, tổng thể hoặc chuyên đề tại trụ sở cơ quan kiểm tra hoặc tại đơn vị được kiểm tra, giám sát;

c) Ban hành quyết định kiểm tra bằng văn bản, lập biên bản kiểm tra và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật kiểm tra chuyên ngành;

d) Yêu cầu đơn vị được kiểm tra, giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan giải trình cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn hồ sơ, tài liệu phục vụ công

tác kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin được cung cấp.

... 15. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và nội dung, hình thức, phạm vi, thời hạn cung cấp thông tin, trách nhiệm, quyền hạn của các bên liên quan trong việc chia sẻ, kết nối thông tin phục vụ quản lý thuế”.

- Tại Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, đã đưa ra giải pháp: “Tăng cường quản lý tuân thủ pháp luật thuế; đẩy mạnh hậu kiểm, quản lý rủi ro, nâng cao hiệu quả giám sát”.

Như vậy, cần thiết quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật QLT nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng và thực hiện nhiệm vụ được giao tại Luật QLT.

2. Cơ sở thực tiễn

Mặc dù pháp luật đã quy định về chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực thuế, phí, lệ phí, nhưng chưa có cơ chế pháp lý đầy đủ, thống nhất để triển khai hiệu quả nhưng còn thiếu cơ chế pháp lý đầy đủ, thống nhất để triển khai hiệu quả. Bên cạnh đó, hoạt động kiểm tra, giám sát này có tính chất đặc thù, khác với kiểm tra thuế đối với người nộp thuế và kiểm tra nội bộ, nên cần có quy định riêng. Vì vậy, quy định nội dung kiểm tra, giám sát là cần thiết nhằm bảo đảm triển khai thống nhất, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM QUY ĐỊNH CHI TIẾT KHOẢN 12 ĐIỀU 39 LUẬT QLT

1. Mục đích quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật QLT

- Thể chế hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước về đổi mới công tác xây dựng, thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và chủ trương về sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra và hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

- Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất cho hoạt động kiểm tra, giám sát. Cụ thể hóa các quy định của Luật QLT, thiết lập khung khổ pháp lý thống nhất, chuyên biệt về nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục, thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí trên phạm vi toàn quốc; đáp ứng yêu cầu thực tiễn về kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí;

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí. việc quy định rõ cơ chế kiểm tra, giám sát, góp phần bảo đảm việc tổ chức thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí đúng quy định pháp luật; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh sai sót, hạn chế, phòng ngừa vi phạm từ sớm, từ xa;

2. Quan điểm quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật QLT

- Nội dung quy định chi tiết phải quán triệt đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng về tăng cường kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; phù hợp, thống nhất với Luật QLT và các văn bản pháp luật có liên quan;

- Nội dung quy định chi tiết phải thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành; rõ ràng, cụ thể về thẩm quyền, trách nhiệm, trình tự, thủ tục; phù hợp với thực tiễn tổ chức bộ máy và năng lực thực thi của các cơ quan liên quan, bảo đảm khả năng áp dụng hiệu quả trên thực tế.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT KHOẢN 12 ĐIỀU 39 LUẬT QLT

1. Nội dung cơ bản

Để đảm bảo hoạt động kiểm tra, giám sát được thực hiện có hiệu quả, tại Nghị định quy định chi tiết Luật Quản lý thuế dự kiến bổ sung Điều 59 quy định về kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí, lệ phí đối với cơ quan quản lý thuế và tổ chức thu phí, lệ phí với các nội dung chính sau:

(i) Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát: Cơ quan có thẩm quyền xây dựng kế hoạch hằng năm trình phê duyệt để thực hiện; việc lập kế hoạch căn cứ vào yêu cầu quản lý, kết quả theo dõi và các phản ánh, kiến nghị liên quan; đồng thời bảo đảm không trùng lặp với kế hoạch thanh tra, trường hợp cần thiết thì phối hợp, lồng ghép thực hiện.

(ii) Thẩm quyền kiểm tra, giám sát: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND các cấp thực hiện kiểm tra, giám sát trong phạm vi quản lý; người đứng đầu đơn vị thuộc các cơ quan này thực hiện kiểm tra, giám sát theo phân cấp hoặc ủy quyền.

(iii) Trách nhiệm của các bên liên quan: Cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát đúng chức năng, nhiệm vụ; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu và chấp hành yêu cầu, kết luận kiểm tra, giám sát theo quy định.

(iv) Kiểm tra, giám sát đối với cơ quan quản lý thuế: Kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc đột xuất; quyết định kiểm tra phải đầy đủ nội dung và được gửi trước (trừ trường hợp đột xuất). Đoàn kiểm tra công bố quyết định, tiến hành kiểm tra, lập biên bản, dự thảo và ban hành kết luận trên cơ sở biên bản, giải trình và tài liệu liên quan; xác định rõ tồn tại, nguyên nhân và yêu cầu khắc phục. Trường hợp cần thiết thì yêu cầu chấn chỉnh, kiến nghị hoàn thiện pháp luật hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền; đồng thời theo dõi, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện.

(v) Kiểm tra, giám sát đối với tổ chức thu phí, lệ phí: Nội dung kiểm tra bao gồm việc tổ chức thực hiện pháp luật về phí, lệ phí (tuyên truyền, hướng dẫn, thu, miễn giảm, quản lý, sử dụng, công khai, chứng từ) và việc chấp hành pháp luật, kể cả các hành vi thu trái quy định (nếu có). Việc xử lý vi phạm thực

hiện theo quy định về kiểm tra chuyên ngành; trường hợp phát hiện bất cập thì kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

(vi) Quy trình kiểm tra, giám sát: Khi cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy trình kiểm tra, giám sát để tổ chức thực hiện thống nhất.

2. Về việc tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành VBQPPL

2.1. Về thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước

Việc quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật QLT này góp phần cụ thể hóa kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý nhà nước; kiểm soát quyền lực; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; đồng thời đổi mới phương thức quản lý theo hướng hiện đại, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới, cụ thể:

- Nội dung quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật QLT đã thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về tăng cường kiểm tra, giám sát, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong thi hành pháp luật, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, phòng ngừa vi phạm từ sớm, từ xa; khắc phục tình trạng chông chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW và Kết luận số 134-KL/TW.

- Nội dung quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật QLT thể chế hóa đầy đủ các quy định của Luật QLT về kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí. Tại khoản 12 Điều 39 Luật QLT đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong kiểm tra, giám sát; hình thức tổ chức kiểm tra, giám sát; thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra, biên bản kiểm tra; trách nhiệm cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu của đối tượng kiểm tra, giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Đồng thời, tại khoản 15 điều 39 giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

- Nội dung quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật QLT thể chế hóa chính sách của Nhà nước về tăng cường quản lý tuân thủ, đẩy mạnh hậu kiểm, quản lý rủi ro và nâng cao hiệu quả giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 508/QĐ-TTg. Các quy định tại Nghị định tạo cơ sở pháp lý cho việc áp dụng phương thức kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên phân tích rủi ro, khai thác dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin.

Như vậy, việc quy định chi tiết khoản 12 điều 39 không chỉ nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật QLT và Luật Thanh tra mà còn là bước thể chế hóa quan trọng, đồng bộ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà

nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí.

2.2. Vấn đề chưa được pháp luật quy định hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp

Tại Luật QLT quy định nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền trong kiểm tra, giám sát, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết (khoản 12, 15 điều 39).

Tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP quy định kiểm tra chuyên ngành nói chung, không thiết kế riêng cho kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí, vốn có tính chất đặc thù.

Như vậy, pháp luật hiện hành chưa có quy định ở cấp Nghị định của Chính phủ quy định kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí. Vì vậy, cần cụ thể hóa trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan.

2.3. Vương mắc, bất cập từ thực tiễn

- Chưa có cơ sở pháp lý thống nhất để tổ chức kiểm tra, giám sát. Thực tiễn hiện nay cho thấy hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí đang quy định khung pháp lý tại Luật QLT, chưa có nội dung ở cấp Nghị định của Chính phủ quy định cụ thể về nội dung này. Điều này dẫn đến: Cách hiểu khác nhau giữa các cơ quan, đơn vị; khó xác định căn cứ pháp lý đầy đủ khi tổ chức kiểm tra, giám sát.

- Chưa có quy trình và thủ tục chuẩn hóa. Thực tiễn cho thấy: Trình tự và thủ tục kiểm tra, giám sát chưa được quy định, thực hiện thống nhất, dẫn đến làm giảm tính minh bạch, khó khăn trong theo dõi, tổng hợp và đánh giá kết quả kiểm tra, giám sát trên phạm vi toàn quốc.

- Chưa quy định rõ cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan. Trong thực tiễn, việc lập kế hoạch kiểm tra, giám sát và triển khai kiểm tra, giám sát chưa có cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan liên quan. Điều này dễ dẫn đến: kiểm tra, giám sát trùng lặp về thời gian, nội dung; gia tăng áp lực hành chính cho đối tượng kiểm tra, giám sát.

Trên đây chính là cơ sở thực tiễn trực tiếp và quan trọng để quy định chi tiết khoản 12 điều 39 về kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí, nhằm tháo gỡ các vương mắc nêu trên và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

2.4. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

- Nội dung quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật QLT không quy định thủ tục hành chính (không có hồ sơ - không có thời hạn giải quyết - không có kết quả thủ tục hành chính đối với người dân, doanh nghiệp). Đối tượng chịu tác động chủ yếu là: Cơ quan quản lý thuế các cấp; tổ chức thu phí, lệ phí. Như vậy,

không làm phát sinh thủ tục hành chính mới cho người nộp thuế, phí, lệ phí; không “hành chính hóa” hoạt động kiểm tra, giám sát.

- Nội dung quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật QLT kiểm soát chặt chẽ chồng chéo, trùng lặp trong kiểm tra, giám sát. Dự thảo quy định Kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm phải bảo đảm không trùng lặp về nội dung, đối tượng, phạm vi, lĩnh vực kiểm tra với kế hoạch kiểm tra hàng năm của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành có liên quan.

Như vậy, nội dung quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật QLT thể hiện nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thông qua việc không đặt ra thủ tục hành chính mới đối với người nộp thuế, người nộp phí, lệ phí; thu hẹp phạm vi hồ sơ, tài liệu phải cung cấp; chuẩn hóa quy trình; kiểm soát chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động kiểm tra, giám sát; qua đó giảm chi phí tuân thủ, tăng tính minh bạch và hiệu quả quản lý nhà nước.

2.5. Nội dung phân cấp, phân quyền

Thực hiện điều 8 Luật Tổ chức Chính phủ, nội dung quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật QLT quy định phân cấp kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí. Từ đó cho thấy, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí mang tính ổn định, không phụ thuộc quyết định hành chính cá biệt, không đề thẩm quyền kiểm tra, giám sát hình thành thuần túy từ văn bản nội bộ ngành. Cụ thể nội dung phân cấp gồm:

- Phân cấp cho trường đoàn kiểm tra, giám sát, thành viên đoàn kiểm tra, giám sát: Tại điểm 4 quy định phân cấp cho trường đoàn kiểm tra, giám sát ký kết luận kiểm tra trong trường hợp được uỷ quyền. Quy định này mang tính nghiệp vụ - tác nghiệp, phù hợp nguyên tắc: “Cơ quan được phân cấp chịu trách nhiệm hoàn toàn về kết quả thực hiện” quy định khoản 1 điều 8 Luật Tổ chức Chính phủ.

- Phân cấp, uỷ quyền cho người đứng đầu đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân các cấp trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí đối với cơ quan, tổ chức. Quy định này phù hợp với khoản 2 điều 8 Luật Tổ chức chính phủ.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH BÀN HÀNH

Kinh phí xây dựng, triển khai thi hành nội dung quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật QLT được thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

nội dung quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật QLT do Bộ trưởng Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí; các cơ quan quản lý thuế, hải quan và tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện, gắn với quá trình quản lý nhà nước. Do vậy, khi nội dung quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật QLT có hiệu lực thi hành không làm phát sinh tổ chức hành chính mới, không tăng biên chế.

Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, Bộ Tài chính đã có công văn số 2878/BTC-CT ngày 11/3/2026 lấy ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Quản lý thuế.

Thực hiện quy định tại khoản 12 điều 39 Luật Quản lý thuế, Bộ Tài chính tiếp tục bổ sung nội dung hướng dẫn khoản này, dự kiến bổ sung vào điều 59 dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Quản lý thuế như sau:

Điều 59. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí, lệ phí đối với cơ quan quản lý thuế và tổ chức thu phí, lệ phí

1. Kế hoạch kiểm tra, giám sát

a) Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm trình cấp có thẩm quyền ban hành, làm căn cứ để tổ chức triển khai, thực hiện.

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc tổ chức triển khai, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí được thực hiện theo quyết định kiểm tra, giám sát định kỳ hằng năm theo kế hoạch kiểm tra, giám sát hoặc theo quyết định kiểm tra đột xuất.

Việc xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước, kết quả theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và các thông tin có liên quan.

c) Kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm không trùng lặp với kế hoạch thanh tra của cơ quan thanh tra có liên quan.

Trong cùng một năm, đối với cùng nội dung và cùng đối tượng kiểm tra, giám sát, trường hợp nội dung đó đã được cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định của Nghị định này hoặc đã được đưa vào kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành thì các cơ quan khác không thực hiện kiểm tra, giám sát trùng lặp. Trường hợp vì yêu cầu quản lý nhà nước mà cần thiết phải thực hiện kiểm tra, giám sát trong cùng một năm, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp, lồng ghép nội dung kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện trong cùng một đoàn kiểm tra, giám sát.

2. Thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí thuộc phạm vi quản lý nhà nước.

b) Người đứng đầu đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp

luật về thuế, phí và lệ phí đối với cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi được phân cấp, ủy quyền.

3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, thực hiện các yêu cầu, đề nghị, quyết định xử lý của Đoàn kiểm tra, giám sát và người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí đối với cơ quan quản lý thuế

a) Quyết định kiểm tra, giám sát

Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát ban hành quyết định kiểm tra, giám sát, sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định kiểm tra, giám sát. Quyết định kiểm tra, giám sát phải được gửi cho đối tượng kiểm tra, giám sát trước ngày tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát ít nhất 07 ngày. Nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế quyết định kiểm tra, giám sát phải được gửi đến đối tượng kiểm tra, giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Quyết định kiểm tra, giám sát được công bố với đối tượng kiểm tra, giám sát khi tiến hành kiểm tra, giám sát. Trường hợp kiểm tra đột xuất, quyết định kiểm tra phải được gửi cho đối tượng kiểm tra ngay sau khi quyết định được ban hành hoặc phải giao trực tiếp cho đối tượng kiểm tra ngay khi tiến hành hoạt động kiểm tra.

Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra, giám sát: Theo kế hoạch kiểm tra, giám sát; khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc sự cố, sự kiện, dấu hiệu bất thường theo quy định của pháp luật; theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

Nội dung quyết định kiểm tra, giám sát: căn cứ ban hành quyết định kiểm tra, giám sát; phạm vi, nội dung kiểm tra, giám sát; đối tượng kiểm tra, giám sát; thời hạn, địa điểm kiểm tra, giám sát; thành phần Đoàn kiểm tra, giám sát.

b) Tiến hành kiểm tra, giám sát

Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát công bố quyết định kiểm tra, giám sát với đối tượng kiểm tra, giám sát và thông báo chương trình làm việc.

Đoàn kiểm tra, giám sát lập biên bản kiểm tra, giám sát, nêu rõ thành phần Đoàn kiểm tra, giám sát, đối tượng kiểm tra, giám sát, tổ chức, cá nhân có liên quan, nội dung kiểm tra, giám sát, kết quả xác minh, ý kiến của đối tượng kiểm tra, giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Biên bản kiểm tra, giám sát có chữ ký của Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát, đối tượng kiểm tra, giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Trường hợp đối tượng kiểm tra, giám sát không

ký vào biên bản kiểm tra, giám sát thì biên bản phải có chữ ký của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc đối tượng kiểm tra, giám sát không ký vào biên bản.

Trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của người ra quyết định kiểm tra, giám sát, Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, báo cáo người ra quyết định kiểm tra, giám sát.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc hoạt động kiểm tra, giám sát, đoàn kiểm tra, giám sát dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát và gửi cho đối tượng kiểm tra, giám sát để lấy ý kiến đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát, đối tượng kiểm tra, giám sát gửi lại đoàn kiểm tra, giám sát ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của đối tượng kiểm tra, giám sát đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát hoặc 03 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này mà không nhận được ý kiến bằng văn bản của đối tượng kiểm tra, giám sát đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát thì Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát trình người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát ban hành kết luận kiểm tra, giám sát. Kết luận kiểm tra, giám sát phải căn cứ vào Biên bản kiểm tra, giám sát, văn bản giải trình của đối tượng kiểm tra, giám sát (nếu có) và các tài liệu liên quan. Kết luận kiểm tra, giám sát bao gồm nội dung yêu cầu đối tượng kiểm tra, giám sát chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế được phát hiện qua kiểm tra, giám sát (nếu có).

Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát ký ban hành kết luận kiểm tra, giám sát trong trường hợp được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát ủy quyền.

Kết luận kiểm tra, giám sát được gửi cho đối tượng kiểm tra, giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ngay sau khi được ban hành để thực hiện các nội dung nêu trong kết luận kiểm tra, giám sát và công khai theo quy định của pháp luật.

Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền khi kết thúc kiểm tra, giám sát; tổng kết, báo cáo cấp có thẩm quyền về hoạt động kiểm tra, giám sát chậm nhất ngày 15 tháng 12 hằng năm.

c) Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát

Trường hợp qua kiểm tra, giám sát phát hiện hạn chế, bất cập trong việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí thì Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát để xem xét, quyết định các biện pháp xử lý sau đây: kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí; ban hành văn bản yêu cầu đối tượng kiểm tra,

giám sát chân chính, khắc phục các tồn tại, hạn chế được phát hiện qua kiểm tra, giám sát.

Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật vượt thẩm quyền xử lý theo Nghị định này thì chuyển hồ sơ, thông tin cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện các văn bản của Đoàn kiểm tra, giám sát

Người đứng đầu cơ quan tiến hành kiểm tra, giám sát có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc theo dõi, đôn đốc thực hiện các văn bản yêu cầu chân chính, khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra, giám sát (nếu có).

5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về phí và lệ phí đối với tổ chức thu phí, lệ phí

a) Nội dung kiểm tra, giám sát

Việc triển khai, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện pháp luật về phí và lệ phí;

Việc tiếp nhận, tổng hợp và xử lý các vướng mắc, kiến nghị trong quá trình thực hiện pháp luật về phí và lệ phí;

Việc tổ chức quán triệt, hướng dẫn áp dụng chính sách pháp luật về phí và lệ phí trong tổ chức thu phí, lệ phí;

Việc thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về: tổ chức thu phí, lệ phí; mức phí, lệ phí; miễn, giảm phí, lệ phí; nộp phí, lệ phí tại tổ chức thu phí, lệ phí; quản lý, sử dụng phí; công khai chế độ thu phí, lệ phí; lập chứng từ thu phí, lệ phí; tự đặt ra và thu các khoản phí, lệ phí trái quy định pháp luật (nếu có).

b) Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát

Việc xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

Trường hợp qua kiểm tra, giám sát phát hiện hạn chế, bất cập trong việc thực hiện pháp luật về phí và lệ phí, trưởng đoàn kiểm tra, giám sát báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát để xem xét, quyết định kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về phí và lệ phí.

6. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí theo quy định tại Nghị định này./.

Nội dung đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo nội dung quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật Quản lý thuế

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành đánh giá thực trạng các quan hệ xã hội có liên quan đến việc xây dựng dự thảo nội dung quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật Quản lý thuế quy định kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí. Kết quả đánh giá như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến dự thảo

Trong những năm gần đây, công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật nói chung, công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật nói riêng được Đảng và Nhà nước xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

Tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Đảng đã đề ra nhiệm vụ tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu; kiên quyết phòng, chống tiêu cực, “lợi ích nhóm” trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Điều này đòi hỏi phải có cơ chế kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật rõ ràng, minh bạch, có hiệu lực pháp lý cao.

Tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Bộ Chính trị đã xác định rõ quan điểm chỉ đạo: *xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật và kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, thường xuyên của các bộ, ngành Trung ương*. Quan điểm này đặt ra yêu cầu phải hoàn thiện đồng bộ khuôn khổ pháp lý về kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật, bảo đảm pháp luật được tổ chức thực hiện nghiêm minh, thống nhất và hiệu quả trên thực tế.

Đồng thời, tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Bộ Chính trị đã đặt ra mục tiêu *chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, ổn định và thuận lợi cho doanh nghiệp*. Mục tiêu này đặt ra yêu cầu phải phân định rõ ràng giữa các hình thức kiểm tra, giám sát, thanh tra; hoàn thiện cơ chế kiểm tra việc thực hiện pháp luật theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tránh gây phiền hà, phát sinh chi phí tuân thủ không cần thiết.

Bên cạnh đó, tại Mục 2.3 Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, Bộ Chính trị đã nêu rõ: *sau khi sắp xếp, các cơ quan*

không còn tổ chức thanh tra thì thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước; người đứng đầu có trách nhiệm giao đơn vị trực thuộc tham mưu thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra. Kết luận này làm thay đổi đáng kể phương thức tổ chức thực hiện chức năng kiểm tra trong các bộ, ngành, trong đó có Bộ Tài chính, đòi hỏi phải có quy định pháp lý cụ thể để làm cơ sở tổ chức thực hiện thống nhất.

Việc Quốc hội ban hành Luật Quản lý thuế năm 2025 và Luật Thanh tra năm 2025 đã thể hiện rõ định hướng chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật, đồng thời yêu cầu phân định rõ giữa hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và kiểm tra việc thực hiện pháp luật. Trong đó, Luật Quản lý thuế đã giao Chính phủ quy định chi tiết về kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí – một nhóm quan hệ xã hội mới, có tính chất đặc thù, chưa được điều chỉnh đầy đủ, thống nhất bằng văn bản quy phạm pháp luật ở cấp Chính phủ.

Cùng với đó, xu hướng quản lý thuế hiện đại trên thế giới đang chuyển mạnh từ mô hình tiền kiểm, xử lý vi phạm sang mô hình hậu kiểm, đánh giá mức độ tuân thủ và quản lý rủi ro, gắn với việc minh bạch hóa trách nhiệm của cơ quan quản lý và đơn vị thực thi chính sách thuế, phí và lệ phí. Việc thiết lập khuôn khổ pháp lý riêng, thống nhất về kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật thuế, phí và lệ phí được coi là điều kiện cần thiết để tách bạch rõ giữa xây dựng chính sách, tổ chức thực hiện và giám sát thực thi, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và bảo đảm sự tương thích với thông lệ quốc tế.

Trong bối cảnh quốc tế, xu hướng quản lý hiện đại tại nhiều quốc gia là tăng cường hậu kiểm, giám sát việc tuân thủ pháp luật thông qua các cơ chế kiểm tra, đánh giá rủi ro, giám sát việc thực thi chính sách; đồng thời giảm dần các biện pháp kiểm soát mang tính can thiệp sâu, trùng lặp. Xu hướng này đặc biệt rõ nét trong lĩnh vực thuế, phí và lệ phí, nhằm bảo đảm kỷ cương tài chính – ngân sách nhưng vẫn tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng và ban hành quy định kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí là cần thiết, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, đáp ứng yêu cầu của pháp luật hiện hành, đồng thời phù hợp với xu hướng quản lý nhà nước hiện đại, góp phần khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động kiểm tra, giám sát và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật trong lĩnh vực thuế, phí và lệ phí.

2. Quá trình thực hiện tổng kết, đánh giá thực trạng

Do đây là nội dung mới được xây dựng, Bộ Tài chính không thực hiện tổng kết việc thi hành mà tiến hành đánh giá thực trạng thông qua:

Thứ nhất, rà soát các quy định pháp luật hiện hành có liên quan đến kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí.

Trên cơ sở Điều 100 Hiến pháp; các quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Thanh tra năm 2025 và Luật Quản lý thuế, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát toàn diện hệ thống pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp

luật về thuế, phí và lệ phí, bao gồm các quy định về kiểm tra chuyên ngành, theo dõi, giám sát thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính. Kết quả rà soát cho thấy, mặc dù pháp luật đã bước đầu quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí, song các quy định này còn phân tán ở nhiều văn bản, thiếu sự liên kết, thống nhất và chưa hình thành một khuôn khổ pháp lý đầy đủ, chuyên biệt để điều chỉnh toàn diện hoạt động kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực này.

Đặc biệt, Luật Quản lý thuế đã giao Chính phủ quy định chi tiết về nội dung, hình thức, phạm vi, trình tự, thủ tục, trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên quan trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí; tuy nhiên đến nay chưa có quy định ở cấp Nghị định của Chính phủ cụ thể hóa đầy đủ các nội dung nêu trên dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực hiện, tiềm ẩn nguy cơ chồng chéo với hoạt động thanh tra, kiểm tra khác, đồng thời chưa bảo đảm yêu cầu tăng cường kỷ luật, kỷ cương và hiệu lực quản lý nhà nước trong bối cảnh đổi mới mô hình quản lý thuế theo hướng hiện đại, minh bạch và quản lý rủi ro.

Thứ hai, tổng hợp thực tiễn tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát, theo dõi thi hành pháp luật trong phạm vi Bộ Tài chính và các đơn vị thuộc ngành thuế, hải quan, các tổ chức thu phí, lệ phí.

Qua tổng hợp thực tiễn triển khai trong thời gian qua cho thấy, mặc dù Bộ Tài chính và các đơn vị thuộc ngành thuế, hải quan đã thực hiện nhiều hoạt động kiểm tra, giám sát, theo dõi việc thi hành pháp luật về thuế, phí và lệ phí theo chức năng, nhiệm vụ được giao, song công tác này chủ yếu được thực hiện trên cơ sở các quy định phân tán tại Luật Quản lý thuế, Luật Thanh tra, pháp luật về kiểm tra chuyên ngành và các văn bản hướng dẫn nội bộ, chưa có một văn bản quy phạm pháp luật ở cấp Chính phủ quy định một cách đầy đủ, thống nhất và chuyên biệt về kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật trong lĩnh vực thuế, phí và lệ phí.

Trong bối cảnh yêu cầu tăng cường kỷ luật tài chính – ngân sách, phòng ngừa vi phạm từ sớm, từ xa, việc kiểm tra, giám sát không chỉ dừng lại ở phát hiện, xử lý vi phạm mà còn cần được thực hiện thường xuyên, có hệ thống, minh bạch, gắn với đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật và kịp thời phát hiện các hạn chế, bất cập trong tổ chức thi hành pháp luật. Tuy nhiên, do chưa có cơ chế kiểm tra, giám sát thống nhất nên hiệu quả phòng ngừa, cảnh báo sớm rủi ro còn hạn chế.

Đặc biệt, trong năm 2025, việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy ngành thuế, hải quan theo hướng tinh gọn, chuyên sâu; sự phát triển nhanh của các mô hình kinh doanh mới, thương mại điện tử, kinh tế số và việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý thuế đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới phương thức kiểm tra, giám sát theo hướng hiện đại, dựa trên quản lý rủi ro, hậu kiểm và khai thác dữ liệu. Thực tiễn này đòi hỏi phải có một cơ chế pháp lý thống nhất, phù hợp với mô hình tổ chức và phương thức quản lý mới, nhằm bảo đảm việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí được thống nhất, thông suốt và hiệu quả trên phạm vi toàn quốc.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN/THỰC TRẠNG QUAN HỆ XÃ HỘI

1. Thực trạng tổ chức thi hành pháp luật và các quan hệ xã hội phát sinh

Hiện nay, quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí chủ yếu bao gồm:

- Quan hệ giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền (thuộc Bộ Tài chính) với cơ quan quản lý thuế các cấp trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;
- Quan hệ giữa cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát với các tổ chức thu phí, lệ phí trong việc đánh giá việc chấp hành các quy định về tổ chức thu, mức thu, miễn giảm, quản lý, sử dụng và công khai phí, lệ phí;
- Quan hệ phối hợp giữa cơ quan kiểm tra, giám sát với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Tuy nhiên, do chưa có nghị định chuyên biệt, các quan hệ xã hội này hiện đang được điều chỉnh phân tán thông qua nhiều văn bản khác nhau, chủ yếu dựa vào quy định chung của Luật Quản lý thuế, Luật Thanh tra, pháp luật kiểm tra chuyên ngành và các quy chế nội bộ, dẫn đến thiếu thống nhất về quy trình, thẩm quyền, trách nhiệm và phương thức thực hiện.

2. Kết quả thực hiện và những vấn đề đặt ra

Qua thực tiễn triển khai cho thấy, hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí đã từng bước được thực hiện ở các cấp, góp phần đánh giá tình hình tổ chức thi hành pháp luật, phát hiện và yêu cầu chấn chỉnh các sai sót, hạn chế trong quản lý thu, nộp và sử dụng nguồn thu từ thuế, phí và lệ phí.

Tuy nhiên, do chưa có quy định thống nhất ở cấp Chính phủ điều chỉnh riêng đối với hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí, nên việc tổ chức thực hiện còn thiếu đồng bộ; chưa có quy trình, biểu mẫu và cơ chế phối hợp chung; phạm vi và nội dung kiểm tra, giám sát giữa các cơ quan còn chưa thống nhất.

Bên cạnh đó, việc phân định giữa kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí với hoạt động thanh tra và kiểm tra thuế chưa thực sự rõ ràng, tiềm ẩn nguy cơ chồng chéo, trùng lặp trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Ngoài ra, trách nhiệm và quyền hạn của các chủ thể tham gia quan hệ kiểm tra, giám sát chưa được quy định đầy đủ, cụ thể, dẫn đến khó khăn trong áp dụng, làm giảm hiệu quả của hoạt động kiểm tra, giám sát và tiềm ẩn rủi ro pháp lý trong tổ chức thực hiện.

Những tồn tại nêu trên cho thấy hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí đã hình thành trên thực tế, nhưng chưa được điều chỉnh một cách đầy đủ, thống nhất và đồng bộ.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả đánh giá thực trạng nêu trên, Bộ Tài chính kiến nghị quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật Quản lý thuế nhằm thiết lập khuôn khổ pháp lý thống nhất, đầy đủ, chuyên biệt để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực này. Đồng thời, nội dung quy định chi tiết cần quy định rõ phạm vi, đối tượng, thẩm quyền, trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát; trách nhiệm, quyền hạn của các chủ thể tham gia; bảo đảm phân định rõ với hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế và kiểm tra chuyên ngành khác.

Trên đây là báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến nội dung quy định chi tiết khoản 12 điều 39 Luật Quản lý thuế./.

Phụ lục

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đưa ra quan điểm chỉ đạo: Xác định xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật và kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, thường xuyên của các bộ, ngành Trung ương.	Điều 59 dự thảo Nghị định quy định hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát đối với cơ quan thuế các cấp và tổ chức thu phí, lệ phí, qua đó tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức thi hành pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí.	Đã thể chế đầy đủ	
Tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, đã đưa ra mục tiêu: Chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết.	Điểm c khoản 1 điều 59 dự thảo Nghị định đã quy định kế hoạch không được trùng lặp với kế hoạch thanh tra; tránh kiểm tra trùng nội dung, đối tượng; trường hợp cần thiết, các cơ quan phối hợp, lồng ghép kiểm tra trong cùng một đoàn.	Đã thể chế đầy đủ	
Tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã đưa ra nhiệm vụ và giải pháp: Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý VBQPPL trái pháp luật; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu, kiên quyết chống tiêu cực, “lợi ích nhóm” trong công tác xây dựng pháp luật.	Điều 59 dự thảo Nghị định quy định nội dung kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí, bao gồm VBQPPL trong lĩnh vực này.	Đã thể chế đầy đủ	
Tại Mục 2.3 Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, có nêu: “Sau khi sắp xếp, các cơ quan không còn tổ chức thanh	Khoản 2 Điều 59 dự thảo Nghị định quy định thẩm quyền kiểm tra, giám sát Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong việc kiểm tra, giám sát trong phạm vi quản lý nhà nước của mình; đồng thời phân cấp, ủy quyền	Đã thể chế đầy đủ.	

tra thì thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước. Người đứng đầu có trách nhiệm giao đơn vị trực thuộc tham mưu thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật”.	cho người đứng đầu đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp kiểm tra, giám sát đối với cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi được phân cấp hoặc ủy quyền.		
Tại điểm b mục 2.1 phần II Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban chấp hành Trung ương có nêu: “nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng tiêu chí đánh giá văn bản pháp luật sau khi ban hành”.	Điều 59 dự thảo Nghị định quy định nội dung kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí đối với cơ quan quản lý thuế các cấp và các tổ chức thu phí, lệ phí, với mục đích đánh giá tính phù hợp, hiệu quả của VBQPPL sau khi ban hành để có đề xuất sửa đổi chính sách cho phù hợp.	Đã thể chế đầy đủ	

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều ... Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí, lệ phí đối với cơ quan quản lý thuế và tổ chức thu phí, lệ phí 1. Kế hoạch kiểm tra, giám sát a) Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm trình cấp có thẩm quyền ban hành, làm căn cứ để tổ chức triển khai, thực hiện. b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc tổ chức triển khai, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí được thực hiện theo quyết định kiểm tra, giám sát định kỳ hằng năm theo kế hoạch kiểm tra, giám sát hoặc theo quyết định kiểm tra đột xuất. Việc xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám	Tại khoản 12 và khoản 15 Điều 39 Luật Quản lý thuế quy định: “12. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí, lệ phí: a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí, lệ phí đối với cơ quan quản lý thuế các cấp và tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật kiểm tra chuyên ngành; b) Tổ chức kiểm tra, giám sát theo kế hoạch định kỳ	Đảm bảo tính thống nhất với nội dung được giao tại khoản 12 và khoản 15 Điều 39 Luật Quản lý thuế.	

sát căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước, kết quả theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và các thông tin có liên quan. c) Kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm không trùng lặp với kế hoạch thanh tra của cơ quan thanh tra có liên quan. Trong cùng một năm, đối với cùng nội dung và cùng đối tượng kiểm tra, giám sát, trường hợp nội dung đó đã được cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định của Nghị định này hoặc đã được đưa vào kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành thì các cơ quan khác không thực hiện kiểm tra, giám sát trùng lặp. Trường hợp vì yêu cầu quản lý nhà nước mà cần thiết phải thực hiện kiểm tra, giám sát trong cùng một năm, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp, lồng ghép nội dung kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện trong cùng một đoàn kiểm tra, giám sát. 2. Thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí thuộc phạm vi quản lý nhà nước. b) Người đứng đầu đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí đối với cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi được phân cấp, ủy quyền. 3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan a) Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và	hoặc đột xuất, tổng thể hoặc chuyên đề tại trụ sở cơ quan kiểm tra hoặc tại đơn vị được kiểm tra, giám sát; c) Ban hành quyết định kiểm tra bằng văn bản, lập biên bản kiểm tra và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật kiểm tra chuyên ngành; d) Yêu cầu đơn vị được kiểm tra, giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan giải trình cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin được cung cấp. ... 15. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và nội dung, hình thức, phạm vi, thời hạn cung cấp thông tin, trách nhiệm, quyền hạn của các bên liên quan trong việc chia sẻ, kết nối thông tin phục vụ quản lý thuế”.	
---	--	--

lệ phí theo quy định của pháp luật, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, thực hiện các yêu cầu, đề nghị, quyết định xử lý của Đoàn kiểm tra, giám sát và người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí đối với cơ quan quản lý thuế

a) Quyết định kiểm tra, giám sát

Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát ban hành quyết định kiểm tra, giám sát, sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định kiểm tra, giám sát. Quyết định kiểm tra, giám sát phải được gửi cho đối tượng kiểm tra, giám sát trước ngày tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát ít nhất 07 ngày. Nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế quyết định kiểm tra, giám sát phải được gửi đến đối tượng kiểm tra, giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Quyết định kiểm tra, giám sát được công bố với đối tượng kiểm tra, giám sát khi tiến hành kiểm tra, giám sát.

Trường hợp kiểm tra đột xuất, quyết định kiểm tra phải được gửi cho đối tượng kiểm tra ngay sau khi quyết định được ban hành hoặc phải giao trực tiếp cho đối tượng kiểm tra ngay khi tiến hành hoạt động kiểm tra.

Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra, giám sát: Theo kế hoạch kiểm tra, giám sát; khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc sự cố, sự kiện, dấu hiệu bất thường theo quy định của pháp luật; theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

Nội dung quyết định kiểm tra, giám sát: căn cứ ban hành quyết định kiểm tra, giám sát; phạm vi, nội dung kiểm tra, giám sát; đối tượng kiểm tra, giám sát; thời hạn, địa điểm kiểm tra, giám sát;

thành phần Đoàn kiểm tra, giám sát.

b) Tiến hành kiểm tra, giám sát

Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát công bố quyết định kiểm tra, giám sát với đối tượng kiểm tra, giám sát và thông báo chương trình làm việc.

Đoàn kiểm tra, giám sát lập biên bản kiểm tra, giám sát, nêu rõ thành phần Đoàn kiểm tra, giám sát, đối tượng kiểm tra, giám sát, tổ chức, cá nhân có liên quan, nội dung kiểm tra, giám sát, kết quả xác minh, ý kiến của đối tượng kiểm tra, giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Biên bản kiểm tra, giám sát có chữ ký của Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát, đối tượng kiểm tra, giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Trường hợp đối tượng kiểm tra, giám sát không ký vào biên bản kiểm tra, giám sát thì biên bản phải có chữ ký của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc đối tượng kiểm tra, giám sát không ký vào biên bản.

Trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của người ra quyết định kiểm tra, giám sát, Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, báo cáo người ra quyết định kiểm tra, giám sát.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc hoạt động kiểm tra, giám sát, đoàn kiểm tra, giám sát dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát và gửi cho đối tượng kiểm tra, giám sát để lấy ý kiến đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát, đối tượng kiểm tra, giám sát gửi lại đoàn kiểm tra, giám sát ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của đối tượng kiểm tra, giám sát đối với các nội

dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát hoặc 03 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này mà không nhận được ý kiến bằng văn bản của đối tượng kiểm tra, giám sát đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra, giám sát thì Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát trình người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát ban hành kết luận kiểm tra, giám sát. Kết luận kiểm tra, giám sát phải căn cứ vào Biên bản kiểm tra, giám sát, văn bản giải trình của đối tượng kiểm tra, giám sát (nếu có) và các tài liệu liên quan. Kết luận kiểm tra, giám sát bao gồm nội dung yêu cầu đối tượng kiểm tra, giám sát chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế được phát hiện qua kiểm tra, giám sát (nếu có).

Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát ký ban hành kết luận kiểm tra, giám sát trong trường hợp được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát ủy quyền.

Kết luận kiểm tra, giám sát được gửi cho đối tượng kiểm tra, giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ngay sau khi được ban hành để thực hiện các nội dung nêu trong kết luận kiểm tra, giám sát và công khai theo quy định của pháp luật.

Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền khi kết thúc kiểm tra, giám sát; tổng kết, báo cáo cấp có thẩm quyền về hoạt động kiểm tra, giám sát chậm nhất ngày 15 tháng 12 hàng năm.

c) Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát

Trường hợp qua kiểm tra, giám sát phát hiện hạn chế, bất cập trong việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí thì Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát để xem xét, quyết định các biện pháp xử lý sau đây: kiến nghị cơ quan có thẩm quyền

nguyên cứu, hoàn thiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí; ban hành văn bản yêu cầu đối tượng kiểm tra, giám sát chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế được phát hiện qua kiểm tra, giám sát.

Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật vượt thẩm quyền xử lý theo Nghị định này thì chuyển hồ sơ, thông tin cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện các văn bản của Đoàn kiểm tra, giám sát

Người đứng đầu cơ quan tiến hành kiểm tra, giám sát có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc theo dõi, đôn đốc thực hiện các văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra, giám sát (nếu có).

5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về phí và lệ phí đối với tổ chức thu phí, lệ phí

a) Nội dung kiểm tra, giám sát

Việc triển khai, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện pháp luật về phí và lệ phí;

Việc tiếp nhận, tổng hợp và xử lý các vướng mắc, kiến nghị trong quá trình thực hiện pháp luật về phí và lệ phí;

Việc tổ chức quán triệt, hướng dẫn áp dụng chính sách pháp luật về phí và lệ phí trong tổ chức thu phí, lệ phí;

Việc thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về: tổ chức thu phí, lệ phí; mức phí, lệ phí; miễn, giảm phí, lệ phí; nộp phí, lệ phí tại tổ chức thu phí, lệ phí; quản lý, sử dụng phí; công khai chế độ thu phí, lệ phí; lập chứng từ thu phí, lệ phí; tự đặt ra và thu các khoản phí, lệ phí trái quy định pháp luật (nếu có).

b) Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát

Việc xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

Trường hợp qua kiểm tra, giám sát phát hiện hạn chế, bất cập trong việc thực

hiện pháp luật về phí và lệ phí, trưởng đoàn kiểm tra, giám sát báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát để xem xét, quyết định kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về phí và lệ phí.

6. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí và lệ phí theo quy định tại Nghị định này./.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách/dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Không có	Không có	Không có	Không có